TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 36/2024/DS-ST
Ngày 28/5/2024
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chia tài sản thuộc sở hữu chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Đỗ Đức Lâm.**
2. Bà: **Hồ Thị Hồng Liên**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 68/2019/TLST-DS ngày 12/4/2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-DS ngày 05/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐDS-ST ngày 26/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐDS-ST ngày 10/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lưu Văn B , sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị N , sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn 2, xã T , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thanh D , sinh năm 1967; địa chỉ: 11A Lam Sơn, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Kim L , sinh năm 1968; địa chỉ: Số 92, đường Trần Cao Vân, phường Lộc T , thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn H , sinh năm 1975; địa chỉ: Số 102, Nguyễn Thị Minh Khai, phường B , thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đinh Thị Huyền T , sinh năm 1969; địa chỉ: Số 28, đường Trần Quốc Toản, phường B , TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NT, sinh năm 1966; địa chỉ: Số 159/2, Trần Quốc Toản, phường B , thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Trần Văn A, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 3, xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Lê Xuân S , sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn 4, xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Mai Văn D , sinh năm 1975; địa chỉ: Số 159 đường số 06, phường Bình Hương Hòa, Quận B , thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lưu Minh H , sinh 1979; địa chỉ: Thôn 01, **xã T** , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Ông Lưu Q T, sinh 1973; địa chỉ: Thôn 01, **xã T** , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Lưu K D, sinh năm 1981; địa chỉ: 680 Nguyễn Văn Cừ, phường Lộc P , thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

(*Ông NT, ông H , bà T có mặt tại phiên tòa; ông D , ông A , ông S , ông D , ông H , ông T có đơn vắng mặt; bà K D vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 300 m^2 thuộc thửa số 03- tờ bản đồ khu B3 xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng là do vợ chồng ông B, bà N mua của nhà nước vào năm 1998. Việc nhận đất và làm thủ tục cấp giấy CNQSD đất vợ chồng ông B, bà N nhờ ông Lê Xuân S làm hộ. Nên ông B, bà N chưa nhận được giấy CNQSD đất này chho đến khi xảy ra tranh chấp với vợ chồng ông Đ , bà L thì ông B, bà N mới biết thửa đất này đã cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông bà và đã ký sang nhượng cho vợ chồng ông Đ , bà L được Ủy ban nhân dân xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng chứng thực vào ngày 15/9/2004.Vợ chồng Bảo, bà N khẳng định chưa nhận được giấy CNQSD đất và cũng không chuyển nhượng thửa đất trên cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào; đồng thời cho rằng bị giả mạo chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng CNQSD đất ngày 15/9/2004 nên yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng này.

Đối với giấy chuyển nhượng đất năm 2001, vợ chồng ông B bà N cho rằng ông, bà không có chuyển nhượng cho ông D , không biết ông D là ai và giấy CNQSD đất với ông D là bịa đặt, không phải là chữ ký của ông B, bà N .

Về giấy CNQSD đất ngày 16/11/2002 có nội dung ông D nhận chuyển nhượng thửa đất trên của ông B, bà N do khó khăn nên bán lại cho ông Trần Văn A vị trí người làm chứng ký tên ông B, bà N là bịa đặt, sai sự thật và cho rằng tờ giấy nay chính là tờ giấy chưa có nội dung mà ông S đưa cho vợ chồng ông, bà ký vào năm 1998 để ủy quyền cho ông S làm giấy CNQSD đất, nhận giấy CNQSD đất và cho rằng sau này đã được ghi thêm nội dung sang nhượng CNQSD đất thổ cư ngày 16/11/2002.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp vợ chồng ông B, bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

*** Đối với các yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn**:

- Nguồn gốc diện tích đất 300 m^2 thuộc thửa số 03- tờ bản đồ quy hoạch đất ở ven quốc lộ 20 khu B3 xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng là do vợ chồng ông Đ , bà L nhận chuyển nhượng trực tiếp từ ông A . Sau đó vợ chồng ông B, bà N là người ký chuyển nhượng trục tiếp cho vợ chồng bà L , ông Đ đã được UBND xã Lộc A chứng thực vào ngày 15/9/2024.

- Do đó yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông B , bà L ; công nhận hợp đồng CNQSD đất ngày 15/9/2004 giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông B, bà N theo đơn khởi kiện phản tố ngày 09/8/2019 của bà. Công nhận diện tích đất 300 m^2 thuộc thửa số 03- tờ bản đồ quy hoạch đất ở ven quốc lộ 20 khu B3 xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng là của vợ chồng ông Đ , bà L .

*** Đối với yêu cầu của bà Đinh Thị Huyền T .**

- Bà Đinh Thị Huyền T chỉ có quan hệ vay mượn tiền chứ không có quan hệ mua chung thửa số 03- tờ bản đồ quy hoạch đất ở ven quốc lộ 20 khu B3 xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng với giá chuyển nhượng là 135.000.000đ và bà T cũng không góp 80.000.000đ tiền chuyển nhượng như bà T trình bày. lý do là vì trước khi vợ chồng ông Đ , bà L mua thửa đất này vài tháng thì có vay của bà T 30.000.000đ có viết giấy tờ vay nhưng do bà T giữ, do đất bị tranh chấp và không trả được tiền lãi nên đến khoản tháng 5/2017 vợ chồng bà thỏa thuận và đồng ý ghi vào giấy thỏa thuận không ghi ngày/tháng/năm đồng ý để bà T cùng mua chung và đồng ý chia cho bà T giá trị quyền sử dụng đất theo tỉ lệ tương đương với số tiền 30.000.000đ, không đồng ý chia ½ giá trị thửa đất.

Để chứng minh cho trình bày và yêu cầu phản tố của mình: Bà L , ông Đ cung cấp bản hợp đồng chuyển nhượng đất lập ngày 15/9/2004 giữa vợ chồng bà N , ông B và vợ chồng ông Đ , bà L với nội dung: Ngày 15/9/2004 vợ chồng bà N , ông B chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ , bà L diện tích đất thuộc thửa đất số 03, tờ bản đồ quy hoạch đất ở ven quốc lộ 20 khu B3, xã Lộc A , Bảo Lâm, Lâm Đồng. Hợp đồng có chữ ký của bà N , ông B và vợ chồng ông Đ , bà L và được UBND xã Lộc A chứng thực ngày 15/9/2004.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Đinh Thị Huyền T và người đại diện theo ủy quyền của bà T **trình bày:**

- Ngày 15/9/2004, bà T và vợ chồng ông Đ Bà L có viết giấy thỏa thuận mua chung lô đất diện tích đất 300 m^2 thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ quy hoạch ven quốc lộ 20 khu 3B xã Lộc A huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng với giá chuyển nhượng 135 triệu đồng bà T đã đưa ông Đức số tiền là 80.000.000đ. Đồng thời có thỏa thuận chi phí 2 bên cùng chịu mỗi người một nửa. Đứng tên người mua là vợ chồng bà Loan ông Đức. Sau này bán đất sẽ chia đôi.

- Nguồn gốc lô đất nay là của vợ chồng bà N ông B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998. Vợ chồng bà N ông B đã sang nhượng cho ông Mai Văn D bằng giấy viết tay năm 2001 ông D sang nhượng lại cho ông Trần Văn A vào năm 2002 cũng bằng giấy viết tay. Sau đó ông A có đưa vợ chồng ông Đ Bà L đến gặp vợ chồng bà N ông B thỏa thuận là Bà N ông B sẽ làm hợp đồng sang nhượng trực tiếp qua cho vợ chồng ông Đ Bà L . Nên cùng ngày

15/9/2004 hai bên đã ra UBND xã Lộc A huyện Bảo Lâm ký kết hợp đồng chuyển nhượng.

- Bà T yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất 150m^2/300m^2 tại thửa đất số 03 tờ bản đồ quy hoạch ven quốc lộ 20 khu 3B xã Lộc A huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sử dụng bà Đinh Thị Huyền T .

Để chứng mình yêu cầu của mình có căn cứ bà T cung cấp 01 giấy thỏa thuận ngày 15/9/2004 với nội dung: ngày 15/9/2004, bà T và bà Trần Thị Kim L thỏa thuận mua chung thửa đất 03, khu B3 diện tích 300 m^2 thuộc xã Lộc A , Bảo Lâm, Lâm Đồng. Các khoản chi phí hai bên cùng chịu chung, bà T đồng ý để cho vợ chồng bà Loan đứng tên. Trong giấy thỏa thuận có chữ ký của bà Trần Thị Kim L , và bà Đinh Thị Huyền T .

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn A trình bày:

Nguồn gốc diện diện tích đất 300m^2 thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ quy hoạch ven quốc lộ 20 khu 3B xã Lộc A huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng do ông mua lại của ông Mai Văn D vào ngày 16/11/2002 với giá 50.000.000đ sau khi giao tiền thì ông D đã giao GCNQSD đất Số 995604 cấp ngày 05/12/1998 đứng tên bà **Nguyễn Thị N** ; ông giao tiền chuyển nhượng trực tiếp cho ông D chứ không giao cho ông B, bà N .

Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà N nên ông A và ông D có thỏa thuận là ông D phải đưa ông A đến gặp vợ chồng bà N ông B để lập và ký giấy bán đất ông A và ông D đến nhà bà N ông B tại nhà thơ Thánh Mẫu (Đại lý thu mua cà phê) tại đây ông A là người trực tiếp viết giấy sang nhượng đất thổ cư ngày 16/11/2002 ông D ký bên người bán ông A ký bên người mua, vợ chồng ông B, bà N ký bên người làm chứng. Khi đó chỉ có ông A , ông D và vợ chồng ông B, bà N . Sau khi viết giấy xong thì ông A và ông D về quán nước bà Lê Xuân Huệ tại thôn 4 xã Lộc A huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng nhờ bà Huệ ký vào giấy với tư cách là người làm chứng.

Ngày 07/5/2004, ông A có đưa ông Đức đến nhà vợ chồng bà N ông B để ông Đức hỏi đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó có đúng là của vợ chồng bà N ông B không. Sau khi vợ chồng bà N ông B xác định là đúng thì ông A về nhà vợ chồng ông Đ , bà L tại Bảo Lộc. Tại nhà ông Đức thì ông A viết giấy bán đất cho vợ chồng ông Đ Bà L với giá 135.000.000đ. Quá trình mua bán hai bên chỉ ra lô đất trên không đo đạc, chỉ viết giấy tay giao số tiền với nhau. Khi giao tiền vợ chồng ông Đ Bà L giao tiền trực tiếp cho ông A chứ không giao cho vợ chồng bà N ông B . Tại biên bản lời khai ngày 09/8/2019 bà Loan khai vợ chồng bà giao tiền mua đất cho ông tại UBND xã Lộc A sau khi hợp đồng được chứng thực ngày 15/9/2004 là không đúng vì sau khi mua bán giao tiền ngày 07/5/2004 xong ông A chưa gặp lại bà Loan ông Đức cho đến khi xảy ra tranh chấp.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 995604 cấp ngày 05/12/1998 đứng tên vợ chồng bà N ông B là do ông D trực tiếp giao lại cho ông A . Năm 2004, ông A bán đất này cho ông Đ , bà L và trực tiếp giao lại cho ông vợ chồng ông Đ Bà L .

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà N ông B và vợ chồng ông Đ Bà L đã được UBND xã Lộc A chứng thực ngày 15/9/2004 là do vợ chồng bà N ông B và vợ chồng ông Đ , bà L tự thỏa thuận thực hiện với nhau bản thân ông không biết. Sau khi hoàn thành việc mua bán với ông Đ , bà L ông không còn liên quan và không gặp gỡ hay ký vào bất kỳ giấy tờ nào liên quan đến thửa đất trên.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân S trình bày:

Năm 1998, ông S có giới thiệu cho vợ chồng ông B bà N mua diện tích đất 300m^2 thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ quy hoạch ven quốc lộ 20 khu 3B xã Lộc A huyện bảo lâm tỉnh Lâm Đồng. Ông S có đưa ông B đi nộp tiền và làm hợp đồng mua bán đất với UBND huyện Bảo Lâm. Do thời gian diễn ra lâu rồi nên người ký mua là ông hay là ông B ông không nhớ.

Bà N không ủy quyền cho ông làm thủ tục mua bán, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà đối với thửa đất nêu trên. Ông cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ được UBND huyện Bảo Lâm chuyển về UBND xã Lộc A rồi vợ chồng ông B, bà N tự đến nhận. Ông không được ủy quyền nên không thể nhận được giấy CNQSD đất thay bà N .

Ông S thừa nhận giấy sang nhượng đất thổ cư giữa bà **Nguyễn Thị N** với ông Mai Văn D ghi năm 2001 là do ông viết nội dung và tên "Mai Văn D " tại chữ người mua đều do ông viết. Còn chữ ký bên người mua do ai ký thì ông không biết. Chữ ký và ghi tên **Nguyễn Thị N** là do ông S viết.

Lý do ông viết giấy sang nhượng nêu trên là năm 2001 ông B có đến nhà và nhờ ông viết giúp giấy trên để bán cho ông D . Thông tin cá nhân của ông D là do ông B cung cấp.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Mai Văn D trình bày:

Năm 2001, ông được ông S giới thiệu mua diện tích đất 300m^2 thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ quy hoạch ven quốc lộ 20 khu 3B xã Lộc A huyện Bảo Lâm tỉnh Lâm Đồng với giá 48.000.000đ. Việc mua bán viết giấy tờ giao tiền diễn ra tại nhà ông S . Khi đó có ông B (chồng của bà N) là người nhận tiền, ông S là người viết giấy sang nhượng. Ông S ký tên người bán và viết tên **Nguyễn Thị N** , ông ký tên bên người mua. Ông sau ghi tên Mai Văn D . Ông S và ông B có dẫn ông đi xem đất. Sau khi viết giấy giao tiền thì ông B có đưa một phiếu nhận đất có nội dung "Thông báo ông B, bà N đến UBND xã Lộc A nhận giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Sau đó ông đến UBND xã Lộc A gặp ông Quang cán bộ địa chính xuất trình giấy này và giấy chuyển nhượng đất năm 2001 giữa bà N với ông thì ông Quang giao giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất của diện tích đất 300m^2 thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ quy hoạch ven quốc lộ 20 khu 3B xã Lộc A huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cho ông.

Do không có nhu cầu sử dụng nên ngày 16/11/2002 ông được bà Lê Xuân Huệ giới thiệu bán lô đất này cho ông Trần Văn A giá 50.000.000đ. Quá trình thỏa thuận giá, mua bán, giao tiền, viết tại nhà bà Huệ. Có bà Huệ, vợ chồng ông B bà N ký giấy với tư cách là người làm chứng. Do Quyền sử dụng đất đứng tên vợ

chồng bà N ông B nên ông A yêu cầu khi viết giấy sang nhượng ngày 16/11/2002 phải có chủ đất cũ là vợ chồng ông B bà N làm chứng thì ông mới mua nên mới có việc vợ chồng ông B bà N ký là người làm chứng. Trước khi mua bán thì ông có đưa ông A đến xem lô đất nêu trên. Sau khi nhận tiền thì ông giao toàn bộ giấy tờ gồm giấy sang nhượng năm 2001, bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A .

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lưu Minh H trình bày:

Tại thời điểm năm 1998, ông H là thành viên trong gia đình ông B, bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 680 Nguyễn Văn Cừ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Tiền mua thửa đất số 03 tờ bản đồ quy hoạch ven quốc lộ 20 khu 3B xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng đang tranh chấp là tiền chung của gia đình. Ông có quyền lợi trong tài sản đó nên ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Lưu Q T trình bày:

Tại thời điểm năm 1998, ông T là thành viên trong gia đình ông B bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 680 Nguyễn Văn Cừ, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Nhưng ông không sống chung với gia đình. Tiền bố mẹ ông mua thửa đất số 03 tờ bản đồ quy hoạch ven quốc lộ 20 khu 3B xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng đang tranh chấp không liên quan gì đến ông nên ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/9/2004 được ký kết giữa vợ chồng ông B, bà N với vợ chồng ông Đ , bà L đối với thửa đất số 3, tờ bản đồ B3 xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất trên cho vợ chồng ông Đ , bà L . Xác nhận việc mua thửa đất trên có ½ tiền góp của bà Đinh Thị Huyền T nên đồng ý chia cho bà Đinh Thị Huyền T ½ diện tích đất trên tương đương phần diện tích 148,6m^2, đồng ý nhận phần quyền sử dụng đất còn 148,2m^2 cho vợ chồng ông Đ , bà L theo trích đo ngày 27/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà T và Đại diện theo ủy quyền của bà T yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/9/2004 được ký kết giữa vợ chồng ông B, bà N với vợ chồng ông Đ , bà L đối với thửa đất số 3, tờ bản đồ B3 xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng; đồng ý nhận phần diện tích 148,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 03 tờ bản đồ B3 xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng như ông H trình bày nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 401 Bộ luật dân sự không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông B, bà N ; chấp nhận

yêu cầu phản tố của bị đơn vợ chồng ông Đ , bà L : công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất lập ngày 15/9/2004 tại UBND xã Lộc A giữa vợ chồng bà N , ông B và vợ chồng ông Đ , bà L đối với thửa số 03 tờ bản đồ B3 xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ Điều 207, Điều 209, Điều 219 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của bà Trang, công nhận ½ diện tích đất tương đương 148,6m^2 thuộc một phần thửa 03, tờ bản đồ khu B3 là thuộc quyền sử dụng của bà Đinh Thị Huyền T . Công nhận ½ diện tích đất tương đương 148,2m^2 thuộc một phần thửa 03, tờ bản đồ khu B3 thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Đ , bà L . Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Ông D , ông A , ông S , ông D , ông H , ông T có đơn vắng mặt, bà K D vắng mặt lần thứ 2 nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

- Về quan hệ tranh chấp: Bà N , ông B khởi kiện tranh chấp hợp đồng CNQSD đất ngày 15/9/2004; bà T khởi kiện cho rằng bà góp tiền mua chung thửa đất số 03 tờ bản đồ B3 xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng với vợ chồng ông Đ , bà L và yêu cầu chia ½ diện tích đất này nên HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chia tài sản thuộc sở hữu chung" t*heo quy định tại khoản 2, 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] **Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn**:

[1.1] Ông Đ , bà L trình bày ông bà mua thửa đất 03, tờ bản đồ khu B3 từ ông Trần Văn A vào năm 2004 với giá là 135.000.000đ, ông A mua của ông Mai Văn D và ông Mai Văn D mua của bà **Nguyễn Thị N** , ông Lưu Văn B , các bên đều viết giấy tay với nhau. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà N nên ông bà và vợ chồng ông B, bà N đã trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng và được UBND xã Lộc A chứng thực vào ngày 15/9/2004. Quá trình giải quyết vụ án, bà L , ông Đ đã giao nộp cho Tòa án 01 bản chính giấy sang nhượng đất thổ cư ngày 16/11/2002 với nội dung: ông Mai Văn D trước đây có mua của bà **Nguyễn Thị N** 1 lô đất 10m mặt đường khu B3, Lô 03 diện tích 300 m^2, số sổ 995604, cấp ngày 5/12/1998. Nay ông D sang nhượng lại cho ông Trần Văn A với giá 50.000.000đ. Có chữ ký người mua là Trần Văn A, người bán là Mai Xuân Duy, người làm chứng là bà **Nguyễn Thị N** , ông Lưu Văn B .

[1.2] Tuy nhiên nguyên đơn ông B, bà N cho rằng ông bà không chuyển nhượng thửa đất số 03, tờ bản đồ quy hoạch đất ở ven quốc lộ 20 khu B3, xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng cho ông Đ , bà L hay bất kỳ ai, kể cả ông Mai

Văn D . Chữ ký và chữ viết trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/9/2004 và trong giấy sang nhượng đất thổ cư ngày 16/11/2002 không phải của ông bà.

[1.3] Mặc dù ông B, bà N trình bày ông bà không bán thửa đất số 03, tờ bản đồ khu B3 cho bất kỳ ai, nhưng ông Trần Văn A trình bày thửa đất này là ông mua của ông Mai Văn D vào ngày 16/11/2002 với giá 50.000.000đ, sau đó ông D đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 995604 cấp ngày 5/12/1998 đứng bà **Nguyễn Thị N** cho ông. Trước khi mua đất thì do sổ đứng tên bà N , ông B nên ông có yêu cầu ông D phải đưa ông đến gặp vợ chồng bà N , ông B để lập và ký giấy bán đất ngày 16/11/2002 với tư cách người làm chứng. Ông D cũng thừa nhận năm 2001 ông được ông S giới thiệu mua lô đất số 03, khu B3 của bà N , ông B với giá 48.000.000đ. Sau khi viết giấy giao tiền thì ông B có giao cho ông 1 phiếu nhận đất với nội dung thông báo bà N , ông B đến UBND xã Lộc A để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 16/11/2002, ông bán lô đất này cho ông A với giá 50.000.000đ. Vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà N nên ông A yêu cầu khi viết giấy sang nhượng ngày 16/11/2002 phải có chủ đất cũ là bà N , ông B làm chứng thì ông A mới đồng ý mua. Từ đó mới có việc ông B, bà N ký vào giấy với tư cách người làm chứng. Sau khi nhận tiền, ông giao hết giấy tờ gồm giấy sang nhượng năm 2001 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A . Điều này phù hợp với trình bày của ông S là năm 2001, vợ chồng ông B, bà N có nhờ ông viết giấy để bán đất cho ông Mai Văn D .

[1.4]Ông A , ông D đều trình bày các ông mua thửa đất số 03, tờ bản đồ khu B3 tại Lộc A của vợ chồng ông B, bà N vào năm 2001 và 2002, đều bằng giấy viết tay, trong đó việc mua bán giữa ông D và ông A vào ngày 16/11/2002 thì bà N , ông B đều biết và ký vào giấy mua bán với tư cách người làm chứng.

[1.5] Theo nội dung kết luận giám định ngày 15/8/2016 Công an huyện Bảo Lâm có thông báo số 1407/CAH về nội dung kết luận giám định: chữ ký, chữ viết của bà **Nguyễn Thị N** trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do UBND xã Lộc A chứng thực ngày 15/9/2004 giữa bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất – bà **Nguyễn Thị N** với bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ông Vũ Văn Đ là chữ ký và chữ viết của bà **Nguyễn Thị N** ; Chữ ký, chữ viết của bà **Nguyễn Thị N** trong giấy sang nhượng đất thổ cư (giấy viết tay) giữa người mua – ông Trần Văn A với người bán – ông Mai Xuân Duy (bà **Nguyễn Thị N** , ông Lưu Văn B là người làm chứng) lập tại xã Lộc A ngày 16/11/2002, là chữ ký và chữ viết của bà **Nguyễn Thị N** .

[1.6] Theo kết luận giám định ngày 4/9/2018, Viện khoa học hình sự Bộ công an có kết luận giám định số 128/C09 – P5: Chữ ký " nga" và chữ viết đứng tên " **Nguyễn Thị N** " trên tài liệu ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của bà **Nguyễn Thị N** trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 do cùng một người ký, viết ra. Chữ ký " Bảo" và chữ viết đứng tên "Lưu Văn B " trên tài liệu ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của ông Lưu Văn B trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M4, M5, M, M8 do cùng một người ký, viết ra; Chữ viết " **Nguyễn Thị N** " và

chữ ký " nga" dưới mục bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên các tài liệu ký hiệu từ A3 đến A7 so với chữ ký, chữ viết của bà **Nguyễn Thị N** trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 do cùng một người ký, viết ra.

[1.7] Như vậy, theo kết luận giám định thì ông B, bà N có ký vào giấy sang nhượng đất thổ cư ngày 16/11/2002 giữa ông Mai Văn D và ông Trần Văn A. Kết luận giám định phù hợp với lời trình bày của ông Trần Văn A, ông Mai Văn D về việc ông B, bà N có bán thửa đất số 03, tờ bản đồ khu B3 cho ông Mai Văn D , sau đó ông D bán lại cho ông Trần Văn A; trong đó ông B, bà N ký với tư cách người làm chứng để ông D bán lại thửa đất trên cho ông Trần Văn A vào ngày 16/11/2002.

[1.8] Tại kết luận giám định ngày 4/9/2018, Viện khoa học hình sự Bộ công an có kết luận giám định số 128/C09 – P5 thể hiện: *Chữ viết đứng tên "**Nguyễn Thị N** " dưới mục người sang nhượng trên tài liệu ký hiệu A1 so với chữ viết của **Nguyễn Thị N** trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 không phải do cùng một người viết ra; chữ ký " nga" dưới mục người sang nhượng trên các tài liệu ký hiệu A1 so với chữ ký của **Nguyễn Thị N** trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M8 không phải do cùng một người ký ra; Chữ ký " Bảo" và chữ viết đứng tên " Lưu Văn B " dưới mục bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên các tài liệu ký A3 đến A7 so với chữ ký, chữ viết của ông Lưu Văn B trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M4, M5, M7, M8 không phải do cùng một người ký, viết ra.*

[1.9] Căn cứ Giấy sang nhượng đất thổ cư giữa bà **Nguyễn Thị N** và ông Mai Văn D vào năm 2001 thấy rằng quá trình giải quyết vụ án ông D trình bày, ông S là người viết giấy sang nhượng, ông S ký tên người bán và viết tên **Nguyễn Thị N** , ông ký tên người mua, còn ông S ghi tên Mai Văn D . Ông S cũng thừa nhận giấy sang nhượng đất thổ cư giữa bà **Nguyễn Thị N** với ông Mai Văn D ghi năm 2001 là do ông tự viết nội dung và tên "Mai Văn D ", tại chữ người mua đều do ông viết, còn chữ ký bên mua là do ai ký ông không biết. Chữ ký và ghi tên " **Nguyễn Thị N** " do ông viết ra. Lý do ông viết và ký tên vào giấy mua bán trên là do vợ chồng bà N nhờ ông viết hộ giấy trên để bán cho ông D . Do đó, kết luận giám định trên phù hợp với lời trình bày của ông D , ông S xác định chữ ký và chữ viết trong giấy sang nhượng đất thổ cư năm 2001 không phải do bà N ký. Ông D , ông S đều khẳng định ông B, bà N không ký vào giấy sang nhượng đất năm 2001 nhưng thực tế ông B, bà N có bán đất cho ông D vào năm 2001 và nội dung giấy sang nhượng này ông B, bà N nhờ ông S viết.

[1.10] Đối với nội dung kết luận giám định ngày 7/12/2016 và ngày 21/4/2017 của Phân viện KHHS tại TP. Hồ Chí Minh về việc không kết luận được chữ ký, chữ viết của bà N , ông B trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 15/9/2004 có phải do cùng ông B, bà N ký và viết ra hay không và theo công văn ngày 4/9/2018, Viện khoa học hình sự Bộ công an có công văn số 128A/C09 – P5: Quá trình giám định đã phát hiện đặc điểm thay trang tại tờ số 02 trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A3 đến A7 (hợp đồng chuyển nhượng đất 15/9/2004 lập tại UBND xã Lộc A giữa vợ chồng ông B, bà N và vợ chồng ông Đ

, bà L), thì thấy rằng: Mặc dù một số nội dung giám định không xác định được chữ ký của ông B, bà N trong hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 15/9/2004, nhưng ông B, bà N có ký vào giấy sang nhượng đất thổ cư ngày 16/11/2002 để ông D bán thửa đất 03, tờ bản đồ khu B3 cho ông Trần Văn A.

[1.11] Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định việc bà N chuyển nhượng đất cho ông D , ông D chuyển nhượng lại cho ông A vào ngày 16/11/2002; sau đó vợ chồng ông B, bà N ký hợp đồng chuyển nhượng với vợ chồng ông Đ , bà L để hợp thực hóa thủ tục chuyển nhượng vào năm 2004 là có thật, phù hợp với lời trình bày của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 401 Bộ luật dân sự xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà N ; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đ , bà L để công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất lập ngày 15/9/2004 tại UBND xã Lộc A giữa vợ chồng bà N , ông B và vợ chồng ông Đ , bà L đối với thửa đất 03, tờ bản đồ khu B3 xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Huyền T :

Quá trình giải quyết vụ án, bà T cung cấp 01 giấy thỏa thuận ngày 15/9/2004 với nội dung: ngày 15/9/2004, bà T và bà Trần Thị Kim L thỏa thuận mua chung thửa đất 03, khu B3 diện tích 300 m^2 thuộc xã Lộc A , Bảo Lâm, Lâm Đồng. Các khoản chi phí hai bên cùng chịu chung, bà T đồng ý để cho vợ chồng bà Loan đứng tên. Trong giấy thỏa thuận có chữ ký của bà Trần Thị Kim L , và bà Đinh Thị Huyền T . Tại nội dung đơn khởi kiện ghi ngày 6/7/2017, biên bản lời khai ngày 26/6/2017 thể hiện ông Đ , bà L đều trình bày thửa đất 03, tờ bản đồ khu B3 diện tích 300 m^2 là của ông bà và bà T cùng mua chung, là tài sản thuộc sử dụng chung của vợ chồng ông bà và bà Trang. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Đ , bà L xác nhận giữa vợ chồng ông Đ , bà L và bà T có mua chung thửa đất trên và đồng ý chia cho bà Đinh Thị Huyền T ½ diện tích đất này. Do đó, có căn cứ xác định thửa đất số 03, tờ bản đồ khu B3 là thuộc quyền sử dụng chung của bà T và vợ chồng ông Đ , bà L . Căn cứ Điều 207, 209, 219 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của bà Trang, công nhận ½ diện tích đất thuộc thửa 03, tờ bản đồ khu B3 là thuộc quyền sử dụng của bà Đinh Thị Huyền T . Tại phiên tòa giữa bà T và người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông Đ , bà L thống nhất chia: Bà T nhận diện tích 148,6m^2, vợ chồng ông Đ , bà L nhận diện tích 148,2m^2 theo trích đo ngày 27/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng nên cần công nhận thỏa thuận này.

[4] Ông Lưu Minh H cho rằng thửa đất trên ông có gốp tiền mua chung với bố mẹ nhưng không chứng minh được số tiền gốp, tại thời điểm năm 1998 ông vừa 19 tuổi, năm 2001 và 2004 vợ chồng ông B bà N bán đất cũng như khi tranh chấp xảy ra được xét xử sơ thẩm phúc thẩm từ năm 2016, 2019 là sau khi thụ lý sơ thẩm lần 2 ông cũng không ý kiến gì nên trình bày của ông là không có căn cứ. Mặc khác, do bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng

đất cho bị đơn và người liên quan, ông H không có yêu cầu độc lập nên không xem xét giải quyết.

[5] Tại thời điểm năm 1998, bà K D 17 tuổi, còn đang đi học, sống phụ thuộc bố mẹ. Mặc khác, bà K D không có mặt tại nơi cư trú, không đến Tòa án làm việc nên không có căn cứ xem xét; đồng thời do bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn và người liên quan nên Hội đồng xét xử không xem xét quyền lợi của bà.

[5] Bà Vũ Thị Ngoan là người để nhờ một số cây giống trên đất tranh chấp từ năm 2019 cho đến nay. Quá trình làm việc bà Ngoan cho rằng do thấy đất để trống nên để nhờ một số cây giống; bà không thuê mướn hay tranh chấp thửa đất này, không yêu cầu bất kỳ quyền lợi gì; bà sẽ chuyển dịch cây trồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Chi phí giám định:

Tổng chi phí là 3.800.000đ. Chi phí này ông B và bà N đã tạm nộp và tại phiên tòa sơ thẩm lần đầu đại diện theo ủy quyền của ông B bà N đồng ý chịu toàn bộ chi phí trên. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay do bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B, bà N nên ông B bà N phải chịu chi phí giám định này.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ và định giá tài sản 16.166.000đ. Trong đó, bà T đã nộp12.839.000đ, ông D đại diện ủy quyền cho ông B, bà N nộp 3.327.000đ. Do yêu cầu khởi kiện của ông B, bà N không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ chi phí này. Do đó ông B, bà N có trách nhiệm hoàn trả cho bà T 12.839.000đ.

[8] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông B, bà N không được chấp nhận nên phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu phản tố của vợ chồng ông Đ , bà L được chấp nhận. Được khấu trừ vào số tiền 6.450.000đ tạm ứng án phí đã nộp của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng số 0006843 ngày 04/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho ông B bà N 5.850.000đ (Năm triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) còn thừa.

- Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà T về việc yêu cầu chia tài sản thuộc sở hữu chung được chấp nhận với giá trị tài sản tương đương 1.743.226.600đ nên buộc vợ chồng ông Đ , bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 64.296.798đ (148.6m^2 x 11.700.00đ/m^2). Được khấu trừ 600.000đ ông Đ , bà L đã nộp tại biên lai số AA/2015/004926 ngày 23/10/2017 và AA/2016/0013094 ngày 09/8/2019; Do đó, ông Đ Bà L còn phải nộp 63.969.600đ (Sáu mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm đồng). Hoàn trả cho bà T 1.875.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số số 4207 ngày 16/12/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 2 và 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 401 và Điều 207, 209, 219 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Văn B , bà **Nguyễn Thị N** về việc "*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*" với bị đơn ông Vũ Văn Đ, bà Trần Thị Kim L .

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Vũ Văn Đ, bà Trần Thị Kim L : Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 300m^2 thuộc thửa đất số 03 tờ bản đồ khu B3 xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng được Ủy ban nhân dân xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng chứng thực ngày 15/9/2024 giữa ông Lưu Văn B , bà **Nguyễn Thị N** với ông Vũ Văn Đ, bà Trần Thị Kim L .

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Đinh Thị Huyền T về việc "*Tranh chấp chia tài sản thuộc sở hữu chung*" với ông Vũ Văn Đ, bà Trần Thị Kim L . Công nhận thỏa thuận của bà T và người đại diện theo ủy quyền của ông Đ , bà L : Công nhận cho bà T được quyền sử dụng diện tích đất 148,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 03 tờ bản đồ khu B3 xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, công nhận cho vợ chồng ông Đ , bà L được quyền sử dụng diện tích 148,2m^2 thuộc thuộc một phần thửa đất số 03 tờ bản đồ khu B3 xã Lộc A , huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Kèm theo Trích đo ngày 27/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng).

Bà Trang, vợ chồng ông Đ Bà L có trách nhiệm đăng ký biến động quyền sử dụng đất nêu trên với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí giám định: Buộc vợ chồng ông B, bà N chịu 3.800.000đ (Vợ chồng ông B, bà N đã nộp xong).

5. Về chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông B, bà N hoàn trả cho bà T 12.839.000đ (Mười hai triệu tám trăm ba mươi chín ngàn đồng) chi phí xem xét thẩm định, đo vẽ và định giá tài sản.

6. **Về án phí:**

- Buộc vợ chồng ông B, bà N phải nộp 600.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 6.450.000đ tạm ứng án phí đã nộp của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng số 0006843 ngày 04/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho ông B bà N 5.850.000đ (Năm triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) còn thừa.

- Buộc vợ chồng ông Đ , bà L phải nộp 64.296.798đ án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 600.000đ ông Đ , bà L đã nộp tại biên lai số AA/2015/004926 ngày 23/10/2017 và AA/2016/0013094 ngày 09/8/2019; ông Đ Bà L còn phải nộp 63.969.600đ (Sáu mươi ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm đồng).

- Hoàn trả cho bà T 1.875.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số số 4207 ngày 16/12/2021 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Ông Đ , bà L , bà T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/5/2024); Ông B, bà N , ông A , ông S , ông D , ông H , ông T và bà K D có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THA dân sự huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Hồng Liên **Đỗ Đức Lâm** **Nguyễn Văn Linh**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sáu **Phạm Đức Minh** **Nguyễn Văn Linh**